

Bản án số: 01/2022/DS-PT

Ngày: 06-01-2022

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Lương Thanh Chín.

- *Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Thành và ông Vũ Đức Hùng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Đình Phú - Thư ký
Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2020/TLPT-DS ngày 21/7/2020, về việc: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐ-PT ngày 15/01/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐ-PT ngày 02/02/2021; Thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 101/TABT-DS ngày 15/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Nguyễn Phú N - sinh năm 1979.

2. Ông Nguyễn Thanh Q - sinh năm 1958.

Cùng địa chỉ: Khu phố 14, phường PT, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Th - sinh năm 1938 (chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Thao:

- Bà Doãn Bạch Tr, sinh 1989

- Bà Doãn Bích Th, sinh 1992

Cùng địa chỉ: Khu phố 6, phường ĐL, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Doãn Bạch Tr, Doãn Bích Th: Bà Nguyễn Thị Bạch M - sinh năm 1959.

Địa chỉ: Khu phố 6, phường ĐL, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

2. Bà Nguyễn Thị Bạch M - sinh năm 1959.

Địa chỉ: Khu phố 6, phường ĐL, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

3. Ông Nguyễn L - sinh năm 1949.

Địa chỉ: Khu phố 6, phường ĐL, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Huỳnh Thị Th - sinh năm 1953 (vợ ông Nguyễn L).

Địa chỉ: Khu phố 6, phường ĐL, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

Bà Th ủy quyền cho ông Nguyễn L tham gia tố tụng.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Phú N là nguyên đơn trong vụ án.

Các đương sự khác không kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án sơ thẩm:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Phú N trình bày:

Ông ngoại của ông Nguyễn Phú N tên là Nguyễn Trạch, sinh năm 1914, chết vào năm 1988 và bà ngoại là Nguyễn Thị Thí, sinh năm 1912, chết vào năm 2005. Ông bà ngoại có 04 người con gồm: Bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn L, bà Nguyễn Thị Tường Vy, bà Nguyễn Thị Bạch M.

Ông là con của bà Nguyễn Thị Tường Vy và ông Nguyễn Thanh Q, mẹ ông sinh năm 1952, chết vào năm 1998. Cụ Thí và ông Trạch không có con chung, bà Mai, bà Thao là con đẻ của ông Trạch với các người vợ trước, còn ông Liễu, bà Vy là con nuôi của ông Trạch. Ngoài ra ông Trạch còn nhận nuôi thêm một người con là Nguyễn Thị Hải Đường nhưng đã chết lúc còn nhỏ.

Ông Trạch và bà Thí chết để lại di sản gồm căn nhà tự và đất tại số 118 và số 124, đường Trần Quý Cáp, phường Đức Long, thành phố Phan Thiết..

Theo ông Nam thì ông Trạch có 02 người vợ là bà Thái Thị Hậu và bà Nguyễn Thị Thí. Ông Trạch có giấy đăng ký kết hôn với bà Hậu vào ngày 01/5/1935; Còn có giấy đăng ký kết hôn với bà Thí hay không thì ông không biết. Ông Trạch và bà Hậu chung sống sinh ra được 01 người con chung là bà Thao. Sau khi bà Hậu chết thì ông Trạch sống với bà Hương và sinh được bà Nguyễn Thị Bạch M. Sau khi sinh bà Mai thì bà Hương chết, ông Trạch sống với bà Thí nên ông Trạch, bà Thí làm giấy khai sinh cho bà Mai lấy tên mẹ là bà Thí. Thực tế bà Mai là con của bà Hương. Đồng thời ông Trạch, bà Thí còn nhận 03 người con nuôi là ông Liễu, bà Nguyễn Thị Hải Đường (bà Đường đã chết lúc còn nhỏ) và mẹ ông Nam là bà Nguyễn Thị Tường Vy. Ngoài ra ông Trạch không còn có thêm người con nào nữa.

Ông Nam trình bày là theo ông được biết thì vào năm 1973 ông Trạch và bà Thí vào Phan Thiết và tạo lập được khối tài sản trước đây là ở Phú Phong B, làng Phú Lâm, quận Hàm Thuận, tỉnh Bình Thuận theo chứng thư kiến điền được lập vào ngày 25/6/1973, hiện nay tài sản này nằm tại số 118 và số 124, đường Trần Quý Cáp, thành phố Phan Thiết. Còn theo tờ khai địa chủ năm 1956 ông Trạch khai có tạo lập được một mẫu đất tại Phú Phong, Phú Lâm, Hàm Thuận, Bình Thuận, ông Nam không biết tài sản này ở đâu và ông Trạch tạo lập tài sản này cùng với ai thì ông Nam không biết.

Ông Trạch chết có để lại di chúc bằng tờ di chúc viết tay năm 1985. Di chúc này do chính tay ông Trạch viết. Theo ông Nam thì di chúc này là không hợp pháp vì di chúc không đánh số trang, viết tắt một số chữ, không ký hết các trang, không nói rõ tài sản định đoạt trong di chúc là ở đâu, ông Nam đề nghị chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Ông Nam yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Trạch và cụ Thí để lại là 489,9m² đất tại số 118, đường Trần Quý Cáp, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận do ông Liễu quản lý và 1.278,7m² đất tại số 124, đường Trần Quý Cáp, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận do bà Mai và bà Thao quản lý.

Ông Nam không yêu cầu chia đôi với căn nhà và cây trồng trên đất, trường hợp trên đất chia cho ông có cây trồng thì ông đồng ý hoàn tiền giá trị của cây trồng. Đối với phần di sản do ông Trạch để lại ông Nam yêu cầu chia làm 5 phần cho bà Thí, bà Thao, ông Liễu, bà Mai, bà Vy. Bà Thí chết thì các đồng thừa kế khác là bà Vy, ông Liễu, bà Mai được hưởng, bà Vy chết nên phần của bà Vy do ông Nam với ông Quang được hưởng. Đối với phần di sản do bà Thí để lại ông yêu cầu chia làm 03 phần cho bà Mai, ông Liễu, bà Vy. Ông yêu cầu được nhận di sản bằng hiện vật là đất.

Đối với đất đai do ông Liễu quản lý sử dụng hiện nay tại số 118, đường Trần Quý Cáp, thành phố Phan Thiết thì trước đây ông Trạch có làm giấy cho đất cho ông Liễu tuy nhiên theo ông Nam thì việc ông Trạch cho đất cho ông Liễu như vậy là không hợp pháp vì ông Trạch không thể tự định đoạt tài sản một mình mà không có ý kiến của bà Thí vì tài sản này là tài sản chung của ông Trạch và bà Thí. Lúc ông Trạch cho ông Liễu đất thì bà Thí đang sống chung nhà của ông Liễu, việc bà Thí có ý kiến phản đối gì hay không thì ông Nam không biết. Thừa đất ông Trạch cho ông Liễu thì hiện nay ông Liễu đã làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Q: Thông nhất với lời khai của ông Nguyễn Phú N.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch M (đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Th, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Thao) trình bày:

Cha bà là ông Nguyễn Trạch sinh năm 1914, chết năm 1988. Ông Trạch chung sống với bà Hậu năm 1935, có giấy đăng ký kết hôn. Bà Thí sinh năm 1912, chết năm 2005. Bà Thí và ông Trạch lấy nhau năm 1959 tại Huế.

Ông Trạch và bà Hậu chung sống có 01 người con chung là bà Nguyễn Thị Th. Năm 1953 bà Hậu chết, khoảng 03 năm sau ông Trạch chung sống với bà Hương tại Phan Thiết, sau đó ông Trạch đi công tác ở Tuy Hòa - Phú Yên nên dẫn bà Hương theo, tại đây bà Hương sinh ra bà là Nguyễn Thị Bạch M vào năm 1959. Sau khi sinh ra bà được 06 tháng thì bà Hương chết nên ông Trạch ra Huế lấy bà Thí và làm giấy khai sinh cho bà đứng tên mẹ là bà Thí, thực tế bà là con của ông Trạch và bà Hương.

Trước khi lấy bà Thí thì ông Trạch có nhận 03 người con nuôi là ông Nguyễn L - sinh năm 1949, bà Nguyễn Thị Tường Vy - sinh năm 1952, Nguyễn Thị Hải Đường (đã chết từ nhỏ). Ngoài ra ông Trạch không còn người con nào khác.

Khi ông Trạch chung sống với bà Hậu tại Phan Thiết thì ông Trạch, bà Hậu có tạo lập được một thửa đất tại thôn Phú Phong, làng Phú Lâm, Hàm Thuận, nay là số 124, đường Trần Quý Cáp, thành phố Phan Thiết. Lúc này trên toàn khu đất này chỉ cất 01 cái chòi ở tạm chứ chưa cất nhà. Sau khi bà Hậu chết thì năm 1956 ông Trạch mới cất nhà ngang, đến năm 1958 mới cất nhà lớn. Lúc cất nhà thì ông Trạch chưa lấy bà Thí. Giấy tờ chứng minh tài sản này là của ông Trạch, bà Hậu là tờ khai địa chủ năm 1956 (năm 1956 thì ông Trạch chưa lấy bà Thí). Tại tờ khai địa chủ năm 1956 ông Trạch có khai tạo dựng được 01 thửa đất nằm ở Phú Phong, làng Phú Lâm, Hàm Thuận, nay là số 124, đường Trần Quý Cáp, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Trước đây nơi này còn có tên gọi là Phú Phong vì do dân cư đông nên chính quyền tách thôn Phú Phong ra thành 02 thôn là Phú Phong A và Phú Phong B, vì vậy thửa đất này là tài sản của ông Trạch và bà Hậu chứ không phải của bà Thí.

Năm 1988 ông Trạch chết, khi chết ông Trạch có để lại 01 bản di chúc do chính tay ông Trạch viết thể hiện rõ ý chí ông Trạch để lại toàn bộ di sản của ông cho bà và bà Thao. Di chúc này là hợp pháp vì vậy bà yêu cầu công nhận di chúc.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn đề nghị đưa toàn bộ diện tích đất mà ông Liễu đang quản lý sử dụng để yêu cầu chia di sản thừa kế, bà Mai không đồng ý, vì diện tích đất mà hiện nay ông Liễu đang quản lý sử dụng tại số 118, đường Trần Quý Cáp, thành phố Phan Thiết là do trước đây cha bà là ông Trạch đã làm giấy tờ cho ông Liễu đất và ông Liễu đã cất nhà trên đất và làm giấy tờ sở hữu. Còn diện tích đất còn lại của ông Liễu là do ông Liễu khai hoang không liên quan gì đến di sản thừa kế của ông Trạch.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Th có đơn phản tố và Tòa án sơ thẩm đã thụ lý đơn phản tố với nội dung: Trong trường hợp chia thừa kế thì bà Thao yêu cầu trích trong di sản thừa kế để thanh toán lại cho chị em bà các khoản sau: tiền tu sửa căn nhà di sản thừa kế là 20.545.668đồng, tiền đồ sỏi cát là 7.700.000đồng tiền ma chay mai táng cho cụ Trạch và cụ Thí mỗi người 40.000.000đồng. Đồng thời bà Thao yêu cầu tính công sức quản lý di sản là 20% giá trị tài sản.

** Bị đơn ông Nguyễn L trình bày:*

Ông thống nhất với ý kiến trình bày của bà Mai về hàng thừa kế, về di sản thừa kế, không có ý kiến gì khác. Khi ông Trạch chết có để lại Di chúc cho bà Mai và bà Thao phân di sản của ông tại số 124, đường Trần Quý Cáp, thành phố Phan Thiết. Di chúc này do chính tay ông Trạch viết, đề nghị Tòa án công nhận Di chúc của ông Nguyễn Trạch là hợp pháp.

Theo ông thì ông và bà Vy được ông Trạch nhận về nuôi là đã chịu ơn nghĩa, ông Trạch còn tạo dựng gia đình và cho tài sản khi ra riêng là cũng đã có phần. Nay chồng con của bà Vy khởi kiện tranh chấp là gây phiền hà cho gia đình con của ông Trạch.

Ông không đồng ý chia thừa kế; nhưng nếu Tòa chấp nhận chia di sản của ông Trạch để lại thì đề nghị tính tiền tu bổ sửa chữa căn nhà, tiền đồ đất bồi nền, tiền chi phí ma chay, mai táng cho ông Trạch, bà Thí, công sức quản lý, gìn giữ di sản cho bà Thao theo đúng như yêu cầu của bà Thao trong đơn phản tố.

Lúc còn sống bà Thí sống với ông, ông là người chăm sóc bà Thí lúc tuổi già nhưng ông không yêu cầu tính công sức nuôi dưỡng chăm sóc bà Thí.

Khi ông Trạch, bà Thí chết thì 03 anh em ông cùng lo mai táng, xây mả, do bà Thao đã làm đơn phản tố yêu cầu tính chi phí mai táng xây mả nên tôi không yêu cầu tính và đồng ý tính chi phí mai táng, xây mả của ông Trạch, bà Thí cho bà Thao theo như yêu cầu trong đơn phản tố.

Đối với phần đất mà hiện nay ông đang quản lý tại số 118, đường Trần Quý Cáp, thành phố Phan Thiết thì trước đây khi còn sống ông Trạch đã làm giấy cho ông 221m² đất, được chính quyền địa phương xác nhận và ông cũng đã làm giấy tờ sở hữu hợp pháp đối với thửa đất này. Còn đối với diện tích đất dôi dư ra so với giấy tờ là do ông khai hoang vì trước đây toàn bộ khu đất này nó như một cái rừng, ông khai hoang được bao nhiêu thì quản lý sử dụng bấy nhiêu.

Vì vậy ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Nam và ông Quang.

Nguyên đơn Nguyễn Phú N có ý kiến về phản tố của bị đơn:

Đối với yêu cầu phản tố của bà Thao về chi phí tu bổ sửa chữa căn nhà là 20.554.668đồng; do nguyên đơn không yêu cầu chia nhà nên không đồng ý tính chi phí tu bổ sửa chữa căn nhà. Còn đối với yêu cầu tính tiền đồ đất bồi nền là 7.700.000đồng thì yêu cầu bà Thao cung cấp giấy tờ chứng minh, nếu bà Thao chứng minh được thì ông đồng ý. Đối với yêu cầu tính chi phí mai táng xây mả cho bà Thí là 40.000.000đồng, chi phí mai táng xây mả cho ông Trạch là 40.000.000đồng là quá cao, đề nghị Tòa án xem xét lại theo quy định của pháp luật. Ông đồng ý tính cho bà Thao chi phí mai táng, xây mả cho ông Trạch, bà Thí nhưng đề nghị trừ ra số tiền phúng điếu cho ông Trạch, bà Thí. Hiện nay ông không có giấy tờ gì chứng minh việc phúng điếu cho ông Trạch, bà Thí này người ta đi bao nhiêu. Ông chỉ đồng ý tính, chi phí mai táng, xây mả cho ông Trạch, bà Thí mỗi người là 25.000.000đồng. Đối với yêu cầu tính công sức quản

lý, gìn giữ di sản là 20% của bà Thao ông không đồng ý tính vì bao nhiêu năm nay bà Thao ở trên đất và thụ hưởng lợi tức trên đất, trong khi ông không được hưởng gì.

Ông Nguyễn Thanh Q: Thông nhất với ý kiến của ông Nam về yêu cầu phân tố của bà Thao.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST, ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, đã quyết định:

Áp dụng:

- Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 10, 11, 12, 13, 17 Pháp lệnh thừa kế năm 1990.
- Điểm e khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013
- Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Điểm a, mục 7, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Phú N và ông Nguyễn Thanh Q về việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Trạch và cụ Nguyễn Thị Thí đối với diện tích 1.278,7m² đất mà bà Nguyễn Thị Th và bà Nguyễn Thị Bạch M đang quản lý sử dụng và diện tích 489,9m² đất mà ông Nguyễn L và bà Huỳnh Thị Th đang quản lý sử dụng. Các diện tích đất trên thuộc các thửa 9,10, 169 tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại khu phố 6, phường Đức Long, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Ông Nguyễn Phú N và ông Nguyễn Thanh Q phải chịu chi phí xem xét thẩm định, định giá và đo vẽ là 09 triệu đồng, ông Nam và ông Quang đã chi trả đủ trong quá trình giải quyết vụ án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/5/2020, ông Nguyễn Phú N làm đơn kháng cáo cho rằng trước đây ông khởi kiện phân chia di sản thừa kế tại số 124, đường Trần Quý Cáp, phường Đức Long, thành phố Phan Thiết. Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu của ông nên ông kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Phú N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo
- Bị đơn đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến về vụ

án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm thì ngày 04/7/2020 bà Nguyễn Thị Th là bị đơn trong vụ án chết. Bà Nguyễn Thị Bạch M cung cấp cho Tòa án “Bản di chúc” do bà Nguyễn Thị Th lập ngày 15/10/2012 đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đức Long, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận chứng thực ngày 17/10/2012;

Theo đó, bà Thao xác định nếu bà qua đời trước khi vụ án này được giải quyết thì 02 người cháu ruột là bà Doãn Bạch Tr - sinh 1989, CMND số 261094119 và bà Doãn Bích Th - sinh 1992, CMND số 261233207, cùng ở địa chỉ 124 Trần Quý Cáp, Khu phố 6, phường Đức Long, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận sẽ là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà trong vụ án này để tiếp tục giải quyết vụ án; đồng thời bà Thao cũng xác định sau khi bà qua đời thì phần thừa kế mà bà được hưởng trong vụ án này (bao gồm phần động sản và bất động sản tọa lạc tại 124 Trần Quý Cáp, Khu phố 6, phường Đức Long, thành phố Phan Thiết) theo phán quyết của Tòa án (nếu có) sẽ chia đều cho bà Doãn Bạch Tr, và bà Doãn Bích Th. Căn cứ Khoản 1 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bà Doãn Bạch Tr và bà Doãn Bích Th được xác định là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Th.

[2] Về nội dung:

Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Phú N yêu cầu chấp nhận khởi kiện của ông là chia thừa kế đối với:

- 489,9m² đất tọa lạc tại số 118, đường Trần Quý Cáp, phường Đức Long, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận hiện vợ chồng ông Liễu quản lý, sử dụng;

- 1.278,7m² đất tọa lạc tại số 124, đường Trần Quý Cáp, phường Đức Long, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận hiện bà Nguyễn Thị Bạch M đang quản lý, sử dụng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xác định nguồn gốc tài sản là quyền sử dụng đất mà nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế:

Theo “Tờ khai Địa chủ” do cụ Nguyễn Trạch lập ngày 28/5/1956 thể hiện: Cụ Trạch có tạo lập được 01 mẫu đất tại xứ Phú Phong, làng Phú Lâm, quận Hàm Thuận, tỉnh Bình Thuận (nay là phường Đức Long, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận) từ năm 1952, 1953 có trồng trọt, làm vườn.

[2.2] Theo “Chứng thư kiến điền” do Ty điền địa Bình Thuận cấp ngày 25/6/1973 thể hiện cụ Nguyễn Trạch là người đứng tên đối với thửa đất số 58, tờ bản đồ số 5, diện tích 80 sào, 40 thước tại thôn Phú Phong B, xã Phú Lâm, quận Hàm Thuận, tỉnh Bình Thuận (nay là phường Đức Long, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận) và hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Ủy ban nhân dân phường Đức Long, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận cung cấp cũng thể hiện cụ Nguyễn Trạch là người đứng tên.

[2.3] Căn cứ vào “Tờ di chúc” của cụ Nguyễn Trạch lập ngày 10/12/1985 thì cụ Trạch có 02 người con đẻ là bà Nguyễn Thị Th - sinh năm 1938 có mẹ là cụ Thái Thị Hậu; bà Nguyễn Thị Bạch M - sinh năm 1959 có mẹ là cụ Trần Thị Hương và 02 người con nuôi là ông Nguyễn L - sinh năm 1949, bà Nguyễn Thị Tường Vy - sinh 1952 là 02 người con nuôi do cụ Trạch nhận về nuôi. Bà Vy có chồng là ông Nguyễn Thanh Q và con là Nguyễn Phú N.

[2.4] Theo lời trình bày và xác nhận của các đương sự thì cụ Hậu chết năm 1953, khoảng 03 năm sau cụ Trạch chung sống với cụ Hương tại Phan Thiết, ngày 10/11/1959 cụ Hương sinh/đẻ ra bà Nguyễn Thị Bạch M. Sau khi sinh/đẻ bà Mai thì cụ Hương chết, nên cụ Trạch ra Huế lấy cụ Nguyễn Thị Thí và làm giấy khai sinh cho bà Mai đứng tên mẹ là cụ Thí.

Đủ căn cứ để xác định cụ Nguyễn Thị Thí sống chung với cụ Nguyễn Trạch vào năm 1959 hoặc năm 1960. Giữa cụ Thí và cụ Trạch không có con chung. Cụ Thí là mẹ kế bà Vy từ lúc nhỏ (Cụ Trạch nhận nuôi lúc 6 tuổi), cùng sống chung và nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành nên được xác định là con nuôi của cụ Thí. Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 thì:

[2.5] Người để lại di sản:

- Cụ ông: Nguyễn Trạch, chết năm 1988;
- Cụ bà 1: Thái Thị Hậu, chết năm 1953 (có đăng ký kết hôn);
- Cụ bà 2: Hương, chết năm 1959;
- Cụ bà 3: Nguyễn Thị Thí chết năm 2005.

[2.6] Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Trạch và cụ Thái Thị Hậu, cụ Hương, cụ Nguyễn Thị Thí, gồm:

1. Nguyễn Thị Th (con bà Hậu);
2. Nguyễn Thị Bạch M (con bà Hương, khai sinh tên mẹ là cụ Thí);
3. Nguyễn L (con nuôi);
4. Nguyễn Thị Tường Vy (con nuôi), chết năm 1998 - chết trước cụ Nguyễn Thị Thí (ông Nam là cháu, thừa kế thế vị đối với di sản của cụ Thí).

Ông Nguyễn Thanh Q chồng bà Nguyễn Thị Tường Vy là người thừa kế của vợ là bà Nguyễn Thị Tường Vy.

Như vậy, tài sản là quyền sử dụng đất tại số 118 và số 124, đường Trần Quý Cáp, phường Đức Long, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận là do cụ

Trạch tạo lập từ năm 1952, 1953 đến khi chung sống với cụ Thí. Không có tài liệu, chứng cứ xác định tài sản nêu trên là tài sản riêng của cụ Trạch.

[2.7] Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 quy định vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới. Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 áp dụng ở miền Bắc từ ngày 13/01/1960 đến ngày 03/01/1987 áp dụng ở miền Nam từ ngày 25/3/1977 đến ngày 03/01/1987 đều không có quy định về tài sản riêng.

Cụ Trạch và cụ Thí sống chung vợ chồng cho đến khi cụ Trạch chết năm 2005 và đến năm 2008 cụ Thí chết. Do đó, tài sản của cụ Trạch có trước khi lấy cụ Thí là tài sản chung của vợ chồng giữa cụ Thí và cụ Trạch.

[2.8] Khi còn sống cụ Trạch đã định đoạt toàn bộ tài sản của cụ, thể hiện bằng việc ngày 10/12/1985 cụ lập di chúc cho 02 người con gái ruột của cụ là bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị Bạch M toàn bộ nhà cửa, tài sản là vườn cây ăn trái trên diện tích 2 sào, tũ, giường... hiện có tại số 312 (nay là số 124) đường Trần Quý Cáp, Tổ 6, Dân phố 8, phường Đức Long, Phan Thiết (nơi cụ đang ở) và làm giấy cho người con riêng là ông Nguyễn L đất để làm nhà ở tại Dân phố 34 (số nhà 118 đường Trần Quý Cáp), phường Đức Long, Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của cụ Nguyễn Thị Thí.

[3] Ông Nguyễn Phú N khởi kiện cho rằng “Tờ Di chúc” của cụ Nguyễn Trạch lập ngày 10/12/1985 là không hợp pháp do di chúc không đánh số trang, viết tắt một số chữ, không ký hết các trang, không nói rõ tài sản định đoạt trong di chúc là ở đâu. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Phú N thừa nhận “Tờ Di chúc” của cụ Nguyễn Trạch lập ngày 10/12/1985 là hợp pháp.

Tuy nhiên, việc cụ Trạch lập di chúc và cho tài sản trong lúc cụ Trạch và cụ Thí còn sống là thể hiện ý chí, nguyện vọng và mục đích của cụ Trạch. Cụ Trạch không được quyết định về quyền và lợi ích hợp pháp của vợ là cụ Thí.

[4] Ông Nguyễn L trình bày: Đối với phần đất mà hiện nay ông đang quản lý tại số 118, đường Trần Quý Cáp, thành phố Phan Thiết thì trước đây khi còn sống cụ Trạch đã làm giấy cho ông 221m² đất, được chính quyền địa phương xác nhận và ông cũng đã làm giấy tờ sở hữu hợp pháp đối với thửa đất này. Còn đối với diện tích đất dôi dư ra so với giấy tờ là do ông khai hoang vì trước đây toàn bộ khu đất này nó như một cái rừng, ông khai hoang được bao nhiêu thì quản lý sử dụng bấy nhiêu.

Kết quả thu thập chứng cứ: Theo Trích đo chỉnh lý địa chính thửa đất ngày 30/11/2017 thì bà Nguyễn Thị Th và bà Nguyễn Thị Bạch M đang quản lý sử dụng đối với diện tích đất hiện trạng 1.278,7m², ông Nguyễn L và bà Huỳnh Thị Th đang quản lý sử dụng sử dụng diện tích đất hiện trạng 489,9m². Tổng diện tích đất là 1.768,6m².

Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ có hay không việc khai hoang đất? Nếu có thì đất khai hoang diện tích bao nhiêu? Đất thừa kế diện tích bao nhiêu?

Chưa thu thập chứng cứ từ Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết về việc đất tranh chấp trong vụ án có nằm trong khu quy hoạch dân cư không? Hoặc quy hoạch khác của Nhà nước không? Đất có bị thu hồi không? Đất hiện trạng có xác lập và thừa nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự trong vụ án không?

[5] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng đất tại số 118 và số 124, đường Trần Quý Cáp, phường Đức Long, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận mà nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế là tài sản riêng của cụ Nguyễn Trạch và cụ Trạch đã định đoạt hết khi còn sống cho ông Nguyễn L, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị Bạch M nên Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ về yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Th yêu cầu trích trong di sản thừa kế để thanh toán lại cho chị em bà các khoản sau: tiền tu sửa căn nhà di sản thừa kế là 20.545.668đồng, tiền đồ sỏi cát là 7.700.000đồng tiền ma chay mai táng cho cụ Trạch và cụ Thị mỗi người 40.000.000đồng. Đồng thời bà Thao yêu cầu tính công sức quản lý di sản là 20% giá trị tài sản.

[6] Từ những nhận định và phân tích tại phần [2] đến phần [5], Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật không đúng; thu thập chứng cứ chưa toàn diện, đầy đủ; chưa xem xét, giải quyết tất cả các yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố của đương sự; ý chí, nguyện vọng của các đương sự, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục, bổ sung được nên Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[7] Do bản án sơ thẩm bị hủy nên người kháng cáo không chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 308, Khoản 2 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1/ Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Phú N.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DSST ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/ Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Phú N không chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Phú N 300.000đồng tạm ứng án phí dân

sự phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007557 ngày 29/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

- Nghĩa vụ chịu án phí và chi phí tố tụng khác được xác định lại khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 06/01/2022.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND thành phố Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- Các đương sự;
- Lưu: DS, HCTP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thanh Chín